

Bản án số: 20/2026/HS-ST
Ngày 09 - 02 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - NGHỆ AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hồng Lĩnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thanh Thủy và bà Vũ Thị Thịnh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Nghệ An.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Nghệ An tham gia phiên tòa:** Bà Văn Thị Hà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 14/2026/TLST-HS ngày 29 tháng 01 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2026/QĐXXST-HS ngày 29/01/2026 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Thị Cẩm G**, sinh ngày 20/8/1987 tại xã H, tỉnh Quảng Trị; tên gọi khác: Không; CCCD số 045187001665; nơi cư trú: Thôn P, xã H, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng, đoàn thể: Không; con ông Nguyễn Quang H, sinh năm 1958 và con bà Trần Thị Q, sinh năm 1961; có chồng Nguyễn H1, sinh năm 1977 và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/11/2025 đến ngày 06/12/2025. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Nguyễn Văn Đ**, sinh ngày 01/8/1984 tại tỉnh Nghệ An; tên gọi khác: Không; CCCD số 040084034070; nơi cư trú: Thôn A Q, xã Q, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng, đoàn thể: Không; con ông Nguyễn Văn P (đã chết) và con bà Hồ Thị X, sinh năm 1957; có vợ Nguyễn Thị H2, sinh năm 1988 và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 26/11/2010 Nguyễn Văn Đ bị Tòa án nhân dân thị xã Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình xử phạt “Cải tạo không giam giữ” 12 tháng về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản

án số 08/HSST ngày 02/3/2011, đã chấp hành xong bản án và đã được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 29/11/2025 đến ngày 05/12/2025. Hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Nguyễn Văn Đ1**, sinh ngày 24/12/1976 tại tỉnh Nghệ An; tên gọi khác: Không; CCCD số 040076008935; nơi cư trú: Thôn I Q, xã Q, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng, đoàn thể: Không; con ông Nguyễn Văn Đ2 (đã chết) và bà Hồ Thị Q1, sinh năm 1947; có vợ Thái Thị X1 và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 29/11/2025 đến ngày 05/12/2025. Sau đó bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Công ty Trách nhiệm hữu hạn T1. Địa chỉ: Thôn E, xã H, huyện S, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Thái T, sinh năm 1984. Vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1985. Địa chỉ: P tổ B, Khu đô thị Đ, T, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

- *Người chứng kiến*: Ông Nguyễn Văn Q2, sinh năm 1976. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 29/11/2025 tại khu vực đường Q thuộc thôn I Q, xã Q, tỉnh Nghệ An, tổ công tác Công an phường Q, tỉnh Nghệ An phát hiện, bắt quả tang Nguyễn Văn Đ đang giao pháo cho Nguyễn Văn Đ1. Thu giữ 01 thùng cát tông bên trong chứa 04 hộp pháo loại 49 quả. Tại biên bản xác định khối lượng ngày 29/11/2025, xác định số pháo thu giữ có khối lượng 7,4kg. Tại bản kết luận giám định số 247 ngày 04/12/2025 của Phòng K Công an tỉnh N kết luận: Các mẫu thu giữ của Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Văn Đ1 gửi giám định đều là pháo; đều thuộc loại pháo nổ.

Quá trình điều tra đã xác định: Vào khoảng đầu tháng 11 năm 2025, Nguyễn Văn Đ1 biết Nguyễn Văn Đ là lái xe thường đi vào các tỉnh phía Nam lấy hàng nên đã gặp và nhờ Đ mua pháo nổ do nước ngoài sản xuất về sử dụng trong dịp tết Nguyên đán năm 2026. Sau đó, Đ1 hỏi Đ giá bao nhiêu tiền một bánh pháo loại 49 quả. Do Đ biết giá ở trong tỉnh Quảng Trị một bánh pháo loại 49 quả có giá là 550.000 đồng nên Đ nảy sinh ý định mua pháo trong tỉnh Quảng Trị đưa về bán cho Đ1 với giá cao hơn để kiếm lời nên Đ đồng ý và nói với Đ1 giá mỗi bánh pháo loại 49 quả là 900.000 đồng thì Đ1 đồng ý mua. Đến ngày

08/11/2025, Nguyễn Văn Đ1 sử dụng tài khoản ngân hàng M số 0978938656 của mình chuyển vào tài khoản của Nguyễn Văn Đ số tài khoản là 360420527064 ngân hàng A số tiền 3.600.000 đồng để đặt mua 04 bánh pháo nổ loại 49 quả. Đến khoảng 19 giờ ngày 28/11/2025, Đ điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 50H-180.56 của Công ty trách nhiệm hữu hạn T1 đến cửa hàng tạp hóa của Nguyễn Thị Cẩm G có địa chỉ tại thôn P, xã H, tỉnh Quảng Trị mua của G 04 hộp pháo nổ loại 49 quả do nước ngoài sản xuất với giá 2.200.000 đồng. Sau đó Đ để số pháo nổ mua được lên xe ô tô rồi vận chuyển về tỉnh Nghệ An giao cho Đ1. Đến khoảng 01 giờ 30 phút ngày 29/11/2025, khi xe ô tô của Đ đi đến khu vực đường Q thuộc xã Q, tỉnh Nghệ An thì Đ điện thoại cho Đ1 đến khu vực đường Q thuộc thôn I Q, xã Q, tỉnh Nghệ An để nhận pháo. Khi Đ đang giao pháo cho Đ1 tại khu vực nêu trên thì bị Công an phường Q, tỉnh Nghệ An phát hiện và bắt quả tang.

Ngày 30/11/2025, Cơ quan điều tra Công an tỉnh N thi hành Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp và khám xét nơi ở của Nguyễn Thị Cẩm G thu giữ tại nơi ở của G 09 bánh pháo nổ các loại gồm: 02 bánh pháo nổ loại 09 quả, 04 bánh pháo nổ loại 49 quả và 03 bánh pháo nổ loại 36 quả. Tại biên bản xác định khối lượng ngày 30/11/2025 xác định số pháo thu giữ có tổng khối lượng 15,7 kg.

Tại bản Kết luận giám định số 248 ngày 04/12/2025 Phòng K Công an tỉnh N kết luận: các mẫu vật thu giữ của Nguyễn Thị Cẩm G gửi giám định đều là pháo; đều thuộc loại pháo nổ.

Nguồn gốc toàn bộ số pháo bị thu giữ tại gia đình và số pháo bán được cho Đ, G khai nhận mua của một người phụ nữ không quen biết tại Cửa khẩu L thuộc xã L, tỉnh Quảng Trị với giá 6.950.000 đồng, trong đó loại pháo 49 quả một bánh có giá 450.000 đồng, nhằm mục đích bán kiếm lời thì bị phát hiện thu giữ.

Cáo trạng số 69/CT-VKSKV4 ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Nghệ An truy tố bị cáo Nguyễn Thị Cẩm G và Nguyễn Văn Đ về tội “Buôn bán hàng cấm” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 190 Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Nguyễn Văn Đ1 về tội “Tàng trữ hàng cấm” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 191 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Cẩm G từ 18 đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 đến 48 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 15 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 191; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ1 từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú giám sát giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách án treo.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo vì không có thu nhập ổn định.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự: Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước 03 chiếc điện thoại di động thu giữ của các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

- Tịch thu số pháo nổ thu giữ của các bị cáo còn lại sau khi lấy mẫu giám định hiện đang được bảo quản tại kho vật chứng Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Nghệ An.

- Đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 3.600.000 đồng các bị cáo Nguyễn Thị Cẩm G và Nguyễn Văn Đ giao nộp. Đây là số tiền có được từ việc phạm tội.

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy Ban thường vụ Q3. Buộc Nguyễn Thị Cẩm G, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn Đ1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố là đúng. Các bị cáo không có tranh luận gì về tội danh, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt với đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4-Nghệ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Thị Cẩm G, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn Đ1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám xét khẩn cấp nơi ở của bị cáo G, phù hợp với vật chứng vụ án, kết luận giám định, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định: Vào ngày 28/11/2025 Nguyễn Văn Đ vào xã H, tỉnh Quảng Trị mua của Nguyễn Thị Cẩm G 04 bánh pháo loại 49 quả có khối lượng 7,4 kg với số tiền 2.200.000 đồng để bán lại cho Nguyễn Văn Đ1 với giá 3.600.000 đồng nhằm kiếm lời. Đến 29/11/2025, Nguyễn Văn Đ đưa số pháo trên đến khu vực đường Q thuộc thôn I Q, xã Q, tỉnh Nghệ An để bán cho Nguyễn Văn Đ1 thì bị Công an phường Q, tỉnh Nghệ An phát hiện bắt quả tang. Mục đích Đ1 mua số pháo trên để cất giấu sử dụng trong dịp tết N năm 2026. Ngày 30/11/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh N khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Thị Cẩm G thu giữ 09 bánh pháo hoa nổ các loại có tổng khối lượng 15,7kg. Nguồn gốc số pháo trên G khai mua của một người phụ nữ không quen biết với giá 6.950.000 đồng cất giấu nhằm mục đích bán kiếm lời.

[3]. Các bị cáo đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và không thuộc trường hợp không phải chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo Nguyễn Thị Cẩm G đã có hành vi bán 04 bánh pháo loại 49 quả có khối lượng 7,4 kg nhằm thu lợi bất chính với số tiền 400.000 đồng. Đồng thời bị cáo G tàng trữ 09 bánh pháo nổ các loại có tổng khối lượng 15,7 kg để mục đích bán kiếm lời. Do đó, tổng khối lượng pháo nổ bị cáo Nguyễn Thị Cẩm G phải chịu trách nhiệm hình sự là 23,1 kg. Bị cáo Nguyễn Văn Đ đã có hành vi bán lại 7,4 kg pháo đã mua của Nguyễn Thị Cẩm G cho Nguyễn Văn Đ1 nhằm thu lợi bất chính với số tiền 1.400.000 đồng. Nguyễn Văn Đ1 có hành vi tàng trữ 7,4 kg pháo để sử dụng. Bị cáo Đ và Đ1 phải chịu trách nhiệm hình sự với khối lượng pháo nổ là 7,4 kg. Hội đồng xét xử xét thấy hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Cẩm G, Nguyễn Văn Đ đã đủ yếu tố cấu thành tội “Buôn bán hàng cấm” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 190 của Bộ luật Hình sự. Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn Đ1 đã đủ yếu tố cấu

thành tội “Tàng trữ hàng cấm” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 191 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng truy tố hành vi của các bị cáo Nguyễn Thị Cẩm G, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn Đ1 là đúng người, đúng pháp luật.

[4]. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp vào chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước trong quản lý, sản xuất, kinh doanh mặt hàng pháo nổ. Các bị cáo nhận thức rõ việc Nhà nước cấm mua bán tàng trữ pháo nổ từ lâu, nhưng vì mục đích tư lợi các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Xét mức độ nguy hiểm hành vi các bị cáo thực hiện từ cao đến thấp gồm bị cáo Nguyễn Thị Cẩm G, tiếp đến bị cáo Nguyễn Văn Đ, bị cáo Nguyễn Văn Đ1. Hội đồng xét xử căn cứ vào tính chất hành vi các bị cáo thực hiện để quyết định hình phạt phù hợp.

[5]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Nguyễn Thị Cẩm G, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn Đ1 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Các bị cáo Nguyễn Thị Cẩm G, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn Đ1 quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Văn Đ1 phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Thị Cẩm G và Nguyễn Văn Đ tự nguyện nộp lại số tiền thu lợi bất chính từ hành vi phạm tội là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xét các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, có việc làm, có khả năng cải tạo mà không cần phải bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù. Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo đối với các bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là đủ nghiêm và đủ tác dụng răn đe phòng ngừa chung.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 190 và khoản 4 Điều 191 của Bộ luật Hình sự, người phạm tội có thể bị áp dụng hình phạt tiền bổ sung. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo có thu nhập thấp, không có tài sản riêng gì lớn. Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7]. Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra có thu giữ các vật chứng. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Hội đồng xét xử quyết định tịch thu tiêu hủy số vật chứng gồm: 04 hộp pháo nổ loại 49 quả; 02 hộp pháo nổ loại 36 quả; 01 hộp pháo nổ loại 09 quả là số pháo nổ còn lại sau khi lấy mẫu giám định. Đối

với 03 chiếc điện thoại thu giữ của Nguyễn Thị Cẩm G, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn Đ1 các bị cáo sử dụng liên lạc để liên hệ mua bán pháo nổ nên tịch thu sung ngân sách nhà nước. Đối với số tiền 3.600.000 đồng là số tiền do các bị cáo giao nộp do phạm tội mà có và số tiền thu lợi từ việc phạm tội nên tịch thu sung ngân sách nhà nước.

[8]. Đối với người phụ nữ bán pháo cho Nguyễn Thị Cẩm G tại Cửa khẩu L, tỉnh Quảng Trị, do không xác định được danh tính, địa chỉ cụ thể nên không có căn cứ để xem xét, điều tra, xử lý.

[9]. Đối với chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu HINO, biển kiểm soát 50H-180.56 thu giữ của Nguyễn Văn Đ là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của Công ty trách nhiệm hữu hạn T1. Quá trình điều tra, xác định Công ty trách nhiệm hữu hạn T1 không biết việc Đ lấy xe ô tô nêu trên để đi mua pháo nổ về bán nên đã được trả lại cho chủ sở hữu đúng quy định.

[10]. Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Thị Cẩm G, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn Đ1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Cẩm G 24 (hai mươi tư) tháng tù về tội “Buôn bán hàng cấm” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 (bốn mươi tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Giao bị cáo Nguyễn Thị Cẩm G cho Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Quảng Trị giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách án treo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

2. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 12 (mười hai) tháng tù về tội “Buôn bán hàng cấm” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi tư) tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

3. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 191; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ1 07 (bảy) tháng tù về tội “Tàng trữ hàng cấm” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 (mười bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn Đ1 cho Ủy ban nhân dân xã Q, tỉnh Nghệ An giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách án treo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự.

4.1. Giao cho cơ quan thi hành án dân sự tỉnh N phối hợp với Bộ chỉ huy quân sự tỉnh N tịch thu, tiêu hủy các vật chứng gồm:

- 04 hộp pháp nổ loại 49 quả; 02 hộp pháo nổ loại 36 quả; 01 hộp pháo nổ loại 09 quả. Vật chứng hiện đang được bảo quản tại kho VKĐ-Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh N theo Lệnh nhập kho số 53/2025 ngày 31 tháng 12 năm 2025 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh N với Bộ chỉ huy quân sự tỉnh N.

4.2. Tịch thu sung ngân sách nhà nước các vật chứng gồm:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A54 5G, màu xanh, có số IMEI1: 350320364486405, số IMEI2: 350768454486406, bên trong có gắn thẻ sim có số thuê bao: 0905873043, điện thoại đã qua sử dụng thu giữ của Nguyễn Thị Cẩm G.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S23 FE màu xanh, có số IMEI1: 350389910895088, số IMEI2: 350619790895083, bên trong có gắn thẻ sim có số thuê bao 0978938656 thu giữ của Nguyễn Văn Đ1.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A15 màu tím than, có số IMEI1: 357301903634468; số IMEI2: 3573711923634467, bên trong có gắn thẻ sim có số thuê bao 0984641037 thu giữ của Nguyễn Văn Đ.

Vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 02/02/2026 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh N với Phòng thi hành án dân sự khu vực 4 tỉnh Nghệ An.

4.3. Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền các bị cáo Nguyễn Thị Cẩm G và Nguyễn Văn Đ giao nộp gồm: Nguyễn Văn Đ giao nộp số tiền 1.400.000 đồng theo biên lai số 0000081 ngày 16/01/2026 và Nguyễn Thị Cẩm G giao nộp số tiền 2.200.000 đồng theo biên lai số 0000082 ngày 16/01/2026 tại cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban Thường vụ Q3. Buộc bị cáo Nguyễn Thị Cẩm G, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn Đ1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An nội dung liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Người có QLNV liên quan;
- VKSND khu vực 4-Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An;
- CQCSĐT công an tỉnh Nghệ An;
- Công an xã Quỳnh Văn, tỉnh Nghệ An.
- Công an xã Hiếu Giang, tỉnh Quảng Trị
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Quỳnh Văn, tỉnh Nghệ An; xã Hiếu Giang, tỉnh Quảng Trị;
- Lưu HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hồng Lĩnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Thịnh

Lê Thị Thanh Thủy

Phạm Hồng Lĩnh

